

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 6 - 2022.

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình – ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Chánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Quốc Khương.

2. Ông: Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện LM, tỉnh HG.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã Long Trị, thị xã LM, tỉnh HG.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Sơn H, sinh năm: 1989.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện LM, tỉnh HG.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, Phố Linh Đường, Hoàn Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Quốc Việt – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N (gọi tắt là N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Lương Sơn H quen biết nhau là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ghen tuông, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị N và anh H đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh H có 02 con chung tên: Lương Thị Nhã Q (nữ), sinh ngày 03/2/2010; Lương Thị Huyền T (nữ) sinh ngày 04/8/2014. Hiện 02 đứa đang sống chung với anh H. Khi ly hôn chị N thống nhất theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: chị N xác định có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Long Mỹ số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Chị N yêu cầu chia đôi số nợ, mỗi người trả 1/2 số nợ.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Sơn H vắng mặt và có cung cấp lời khai: Anh H cũng thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi lên thành phố làm thì có quen với người đàn ông khác, không chung thủy với anh H, anh H nhiều lần kêu chị N về chung sống cùng nhau làm ăn nhưng chị N không chịu về, từ đó giữa anh H và chị N xảy ra mâu thuẫn với nhau, nên anh H với chị N đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Nay anh H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Hiếu yêu cầu tiếp tục được nuôi 2 đứa con, vì từ khi chị N bỏ nhà đi anh trực tiếp nuôi 2 đứa con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác định không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thuộc phòng giao dịch huyện Long Mỹ số tiền 50.000.000 đồng, anh H cũng đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có ông Huỳnh Quốc Việt là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/4/2019, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – PGD huyện Long Mỹ có cho anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N vay số tiền 50.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Chăn nuôi vịt.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất cho vay: 6,6%/năm.
- Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn.
- Thời hạn đóng lãi: Đóng lãi hàng tháng.
- Phương thức thanh toán: Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng trả 01 lần. Thời hạn trả cuối cùng ngày 21/4/2022. Từ khi vay đã thanh toán lãi đầy đủ đến ngày 21/2/2022 với số tiền 9.375.619 đồng.

Tính đến tháng 3/2022, anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N còn nợ của Ngân hàng số tiền cụ thể:

- Vốn gốc: 50.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 253.151 đồng.
- Tổng cộng: 50.253.151 đồng.

Nay Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho ngân hàng số tiền trên.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Quốc V yêu cầu anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể:

- Vốn gốc: 50.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 216.986 đồng.
- Tổng cộng: 50.216.986 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn và yêu cầu nuôi con chung”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ nhưng vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Đối với quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh H không thể hàn gắn, chị N không còn tình cảm đối với anh H và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị N và anh H, thì: Vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn bên trong của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ thấy vợ chồng không còn sống chung một nhà, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình. Hơn nữa, anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị N và anh H để hòa giải, động viên anh chị nhưng anh H vắng mặt. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị N và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị N yêu cầu xin ly hôn với anh H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Cho chị N và anh H được ly hôn.

[2]. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H có 02 con chung tên Lương Thị Nhã Q (nữ), sinh ngày 03/02/2010; Lương Thị Huyền T (nữ) sinh

ngày 04/8/2014. Hiện 2 đứa con đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 2 đứa con, tuy nhiên 2 đứa con cũng có nguyện vọng được sống chung với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao 2 đứa con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh H chưa yêu cầu nên chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi 2 đứa con chung. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[3]. *Về tài sản chung*: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*:

Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và anh Lương Sơn H có ký kết giấy đề nghị vay vốn ngày 21/4/2019 vay của ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận nợ thì anh H có thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ngân hàng đầy đủ. Mặc dù khoản nợ vay chưa đến hạn nhưng chị N và anh H đã có đơn xin ly hôn nên ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ giải quyết cho hộ anh H phải thanh toán số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N còn nợ số tiền tổng cộng vốn và lãi là 50.216.986 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong giấy đề nghị vay vốn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N trả số tiền còn nợ gồm vốn và lãi tổng cộng 50.216.986 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ đó, có cơ sở buộc hộ anh Lương Sơn H và chị Nguyễn Thị N cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền vay còn nợ tổng cộng 50.216.986 đồng; trong đó vốn gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 216.986 đồng.

[5]. *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng.

[5.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Lương Sơn H phải nộp là 2.510.849 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với anh Lương Sơn H.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đối với chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N đối với anh Lương Sơn H.

2. Về con chung: Anh Lương Sơn H được tiếp tục nuôi 2 đứa con chung: Lương Thị Nhã Q (giới tính: nữ) sinh ngày 03/2/2010; Lương Thị Huyền T (giới tính: nữ) sinh ngày 04/8/2014. Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi 02 đứa con chung do anh H chưa yêu cầu. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H.

Buộc chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền 50.216.986 đồng (Năm mươi triệu hai trăm mười sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng); trong đó vốn gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn 216.986 đồng (Hai trăm mười sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo kế ước nhận nợ số: 6500025441 ngày 21 tháng 4 năm 2019 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Long Mỹ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo lai thu số 0006203 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Sơn H phải nộp là 2.510.849 đồng (Hai triệu năm trăm mười ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Vĩnh Thuận Đông;
- UBND xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Chánh